

Tăng tỷ trọng

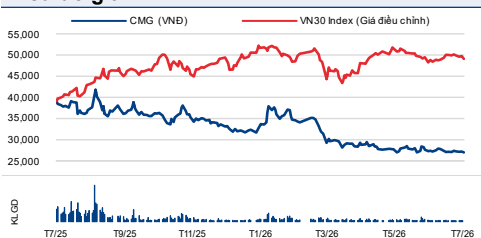
Giá mục tiêu: VNĐ31,400

Tiềm năng tăng/giảm: 16.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (10/7/2026)	27,000
Mã Bloomberg	CMG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	27,000-41,773
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	6,290
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	239
Slg CP lưu hành (tr.đv)	233
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	116
Slg CP NN được mua (tr.đv)	30.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	37.0%
Tỷ lệ freefloat	56.7%
Cổ đông lớn	SDS Asia Pacific Pte (29.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg3	03-26A	03-27F	03-28F
DT thuần (tỷ đồng)	9,561	10,391	11,774
EBITDA đc (tỷ đồng)	961	1,316	1,524
LNTT (tỷ đồng)	599	717	854
LNT ĐC (tỷ đồng)	373	449	535
FCF (tỷ đồng)	(403)	139	232
EPS ĐC (đồng)	1,601	1,929	2,297
DPS (đồng)	500	600	700
BVPS (đồng)	14,016	15,395	16,992
T.trưởng EBITDA (%)	15.9	37.0	15.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	15.5	20.5	19.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	20.0	16.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.0	12.7	12.9
Tỷ suất LNTT (%)	6.26	6.90	7.25
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.21	4.67	4.91
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.9	28.8	28.2
Nợ thuần/VCSH (%)	95.4	86.6	76.7
ROAE (%)	13.0	14.2	15.3
ROACE (%)	9.78	11.8	12.7
EV/doanh thu (lần)	1.35	1.25	1.11
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.5	9.91	8.61
P/E ĐC (lần)	16.9	14.0	11.8
P/B (lần)	1.93	1.75	1.59
Lợi suất cổ tức (%)	1.85	2.22	2.59

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Thành lập năm 1993, CMG hiện là nhà cung cấp dịch vụ CNTT niêm yết lớn thứ hai tại Việt Nam, chủ yếu cung cấp các dịch vụ IT/phần mềm, internet, lưu trữ đám mây và trung tâm dữ liệu.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Tài liệu ĐHCĐ: Kế hoạch tăng trưởng doanh thu thuần tích cực

- CMG đã công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2026, đặt kế hoạch doanh thu thuần đạt 11,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 19,3%) và LNTT đạt 634 tỷ đồng (tăng trưởng 3,6%). Các kế hoạch này tương ứng 106,9% và 93,3% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- CMG đang đẩy nhanh đầu tư vào các trung tâm dữ liệu, đặt mục tiêu sở hữu 6 trung tâm dữ liệu vào năm 2027 với tổng công suất 52,5-57,5 MW, bao gồm 2 trung tâm dữ liệu AI quy mô siêu lớn.
- Đến năm 2030, CMC đặt mục tiêu doanh thu đạt trên 1 tỷ USD, với doanh thu các khối kinh doanh quốc tế, khối công nghệ & giải pháp và khối hạ tầng số tăng trưởng với tốc độ CAGR 5 năm đạt lần lượt 30%, 21% và 18%. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 31.400đ.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2026

CMG sẽ tổ chức ĐHCĐ năm 2026 vào ngày 31/7/2026. Tài liệu ĐHCĐ năm 2026 đã được công bố với các nội dung chính như sau:

Kế hoạch HĐKD năm 2026: Doanh thu thuần tăng trưởng tích cực nhưng LNTT tăng khiêm tốn

Cho năm 2026, BLĐ đặt kế hoạch doanh thu thuần đạt 11,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 19,3%) và LNTT đạt 634 tỷ đồng (tăng trưởng 3,6%). Mặc dù kế hoạch doanh thu thuần cao hơn 7% so với dự báo của HSC nhờ mục tiêu tăng trưởng mạnh ở tất cả các khối nhưng kế hoạch LNTT lại có phần thận trọng, thấp hơn 7% so với dự báo của chúng tôi và chỉ tăng trưởng khiêm tốn do tỷ suất lợi nhuận theo kế hoạch giảm.

Kế hoạch tham vọng giai đoạn 2026-2030

Đến năm 2030, CMG đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt trên 1 tỷ USD và quy mô nhân sự trên 15.000 người (so với 5.825 người vào cuối năm 2025). Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

- Khối công nghệ & giải pháp:** CMG đặt mục tiêu trở thành công ty hàng đầu về dịch vụ và giải pháp chuyển đổi số tại Việt Nam với doanh thu đạt 5,4 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 (tăng trưởng 18%) và 12 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 (tăng trưởng với tốc độ CAGR 5 năm đạt 21%). CMG cũng đặt mục tiêu nằm trong top 3 đối tác AI-X cho lĩnh vực ngân hàng-chứng khoán-tài chính-bảo hiểm tại Việt Nam, trở thành nhà cung cấp nền tảng công nghệ số 1 cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và doanh nghiệp FDI, đồng thời là đối tác chuyển đổi số chiến lược của Chính phủ và khu vực công.
- Khối kinh doanh quốc tế:** CMG đặt mục tiêu trở thành công ty dịch vụ chuyển đổi số (DX)/chuyển đổi trí tuệ nhân tạo (AI-X) hàng đầu trong khu vực với doanh thu đạt 2 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 (tăng trưởng 25%) và 6 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 (trong đó doanh thu từ AI-X chiếm 45%), tương ứng tốc độ CAGR 5 năm đạt 30%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 14/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2026, CMG

BLĐ đặt kế hoạch năm 2026 với doanh thu thuần tăng trưởng mạnh nhưng LNTT tăng trưởng khiêm tốn

Tỷ đồng	2025	KH 2026	Tăng trưởng	HSC dự báo 2026	Kế hoạch/HSC dự báo
Doanh thu thuần	9,561	11,403	19.3%	10,666	106.9%
LNTT	612	634	3.6%	679	93.3%

Nguồn: CMG, HSC

Mảng này dự kiến chiếm 2/3 tổng nhân sự của CMG, với quy mô 10.000 nhân viên vào năm 2030 (so với 3.000 nhân viên vào cuối năm 2025). Các thị trường chiến lược bao gồm Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực châu Á-Thái Bình Dương, EU/ANZ (Australia và New Zealand) và Việt Nam

HSC cho rằng kế hoạch 5 năm cho hai mảng này có phần tham vọng do các doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ thắt chặt chi tiêu CNTT trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều khó khăn, trong khi mức độ ứng dụng AI vẫn còn hạn chế.

- **Khối hạ tầng số:** CMG đặt mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ hạ tầng số hàng đầu trong khu vực, với doanh thu theo kế hoạch của CMC Telecom đạt 4 nghìn tỷ đồng trong năm 2026 (tăng trưởng 17%) và 7,6 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 (tăng trưởng với tốc độ CAGR 5 năm đạt 18%).

Năm 2026, CMG kỳ vọng các trung tâm dữ liệu hiện hữu tại Khu Công nghệ cao TP.HCM, Duy Tân và Tân Thuận sẽ hoạt động hết công suất, với cơ cấu khách hàng doanh nghiệp/khách hàng siêu quy mô là 70%/30%.

Các mục tiêu này có thể đạt được nhờ CMG đẩy nhanh đầu tư vào các trung tâm dữ liệu, với số lượng dự kiến tăng lên 6 trung tâm dữ liệu vào năm 2027 (so với 3 trung tâm hiện nay). Trong đó, 2 trung tâm dữ liệu AI quy mô siêu lớn tại Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao TP.HCM sẽ có tổng công suất 45-50 MW, được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của các khách hàng có quy mô siêu lớn. Trong khi đó, 4 trung tâm dữ liệu doanh nghiệp tại Duy Tân, Tân Thuận, Khu Công nghệ cao TP.HCM và Tây Hồ Tây dự kiến có tổng công suất 18,5 MW. Trong năm 2025, CMG đã được chấp thuận chủ trương đầu tư Trung tâm dữ liệu CMC Hyperscale tại Khu Công nghệ cao TP.HCM và khởi công xây dựng CMC Creative Space Hanoi tại Tây Hồ Tây.

- **Khối giáo dục và phát triển nguồn lực:** Đại học CMC đặt mục tiêu mở rộng quy mô đào tạo lên hơn 10.000 sinh viên vào năm 2030 (so với gần 4.000 sinh viên vào cuối năm 2025) và có cơ sở đào tạo tại ít nhất 3 tỉnh/thành phố (hiện CMG có 4 cơ sở, gồm 3 cơ sở tại Hà Nội và 1 cơ sở tại TP.HCM). Cho năm 2026, doanh thu khối này dự kiến tăng trưởng 41% đạt 162 tỷ đồng, với 2.600 sinh viên nhập học mới (tăng trưởng 69%) nhưng khoản lỗ dự kiến cũng tăng lên 56 tỷ đồng (tăng 60%). Mục tiêu tuyển sinh có phần thách thức do người Việt Nam vẫn có xu hướng ưu tiên các trường đại học công lập.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì dự báo, khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu. CMG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,5 lần, so với bình quân 3 năm ở mức 19,4 lần.

Bảng 2: Kế hoạch doanh thu, CMG

CMG đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 tăng 19%

Tỷ đồng	2025	KH 2026	Tăng trưởng	Dự báo 2030	CAGR 5 năm
Tổng doanh thu	10,555	12,605	19.4%		
Công nghệ mới & công nghệ chiến lược		36	N.a		
Công nghệ & giải pháp	4,558	5,374	17.9%	11,985	21.3%
CMC TS	4,526	5,273	16.5%	11,480	20.5%
CMC CS	32	101	213.6%	505	73.4%
Kinh doanh quốc tế	1,641	2,044	24.6%	6,000	29.6%
Hạ tầng số	3,970	4,677	17.8%		
Viễn thông CMC	3,425	4,007	17.0%	7,648	17.4%
Giáo dục và phát triển nguồn lực	113	162	43.3%		
Mảng kinh doanh khác	273	311	14.0%		

Nguồn: CMG

Bảng 3: Kế hoạch LNTT, CMG

CMG đặt kế hoạch LNTT tăng trưởng khiêm tốn, do tỷ suất lợi nhuận giảm

Tỷ đồng	2025	KH 2026	Tăng trưởng	Tỷ suất LNTT 2025	KH tỷ suất LNTT 2026
Tổng LNTT	737	753	2.1%	4.0%	3.4%
Công nghệ mới & công nghệ chiến lược	(2)	(9)	285.7%	N.a	-25.2%
Công nghệ & giải pháp	132	134	1.3%	2.9%	2.5%
Kinh doanh quốc tế	148	158	7.2%	9.0%	7.7%
Hạ tầng số	464	525	13.1%	11.7%	11.2%
Giáo dục và phát triển nguồn lực	(35)	(56)	59.8%	-30.9%	-34.4%
Mạng kinh doanh khác	31	1	-96.8%	11.4%	0.3%

Nguồn: CMG

Bảng 4: Trung tâm dữ liệu, CMG

CMG đặt mục tiêu có 6 trung tâm dữ liệu tính đến năm 2027, bao gồm 2 trung tâm dữ liệu AI quy mô siêu lớn

	Vị trí	Công suất (MW)	Thời gian đi vào vận hành/tiến độ	Vốn đầu tư (triệu USD)
Trung tâm dữ liệu hiện tại		11.0		
CMC Duy Tân	Hà Nội	4.6	T11-11	
CMC Tân Thuận	TP.HCM	0.8	T10-12	
CMC SHTP	TP.HCM	5.6	T4-22	
Trung tâm dữ liệu mới		52.5-57.5		650
CMC SHTP 2	TP.HCM	30	Được phê duyệt	250
CMC Tây Hồ Tây	Hà Nội	7.5	Đang xây dựng	300
CMC Hòa Lạc	Hà Nội	15-20	Chờ phê duyệt	100

Nguồn: CMG

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	03-25A	03-26A	03-27F	03-28F	03-29F
Doanh thu	8,203	9,561	10,391	11,774	13,012
Lợi nhuận gộp	1,497	1,739	1,890	2,153	2,399
Chi phí BH&QL	(1,046)	(1,197)	(1,096)	(1,225)	(1,327)
Thu nhập khác	6.65	6.54	7.11	8.05	8.90
Chi phí khác	(8.34)	(6.17)	(6.70)	(7.59)	(8.39)
EBIT	449	542	795	928	1,072
Lãi vay thuần	16.4	9.46	(127)	(126)	(128)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	35.7	46.9	49.3	51.7	54.3
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	502	599	717	854	999
Chi phí thuế TNDN	(74.5)	(92.1)	(106)	(127)	(148)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(78.4)	(104)	(125)	(149)	(174)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	349	403	485	578	676
Lợi nhuận thuần ĐC	323	373	449	535	626
EBITDA ĐC	829	961	1,316	1,524	1,738
EPS (đồng)	1,497	1,729	2,083	2,481	2,903
EPS ĐC (đồng)	1,385	1,601	1,929	2,297	2,688
DPS (đồng)	0	500	600	700	900
Slg CP bình quân (triệu đv)	233	233	233	233	233
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	233	233	233	233	233
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	233	233	233	233	233

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	03-25A	03-26A	03-27F	03-28F	03-29F
Tiền & tương đương tiền	781	574	535	604	678
Đầu tư ngắn hạn	1,272	2,790	2,790	2,790	2,790
Phải thu khách hàng	1,326	2,092	1,737	1,968	2,175
Hàng tồn kho	280	221	303	343	378
Các tài sản ngắn hạn khác	133	199	312	353	390
Tổng tài sản ngắn hạn	3,791	5,877	5,676	6,057	6,411
TSCĐ hữu hình	2,224	2,577	2,886	3,115	3,229
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,121	1,259	1,259	1,259	1,259
Đầu tư vào Cty LD,LK	94.0	324	324	324	324
Tài sản dài hạn khác	447	448	655	743	1,081
Tổng tài sản dài hạn	3,886	4,608	5,125	5,441	5,894
Tổng cộng tài sản	7,677	10,485	10,801	11,498	12,305
Nợ ngắn hạn	898	1,276	1,143	1,060	1,041
Phải trả người bán	693	1,067	956	1,082	1,194
Nợ ngắn hạn khác	1,274	1,500	1,531	1,581	1,626
Tổng nợ ngắn hạn	3,056	4,008	3,794	3,887	4,025
Nợ dài hạn	874	2,312	2,395	2,477	2,556
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	25.5	24.9	24.9	24.9	24.9
Nợ dài hạn khác	43.9	44.1	44.1	44.1	44.1
Tổng nợ dài hạn	943	2,381	2,464	2,546	2,625
Tổng nợ phải trả	4,000	6,389	6,258	6,434	6,650
Vốn chủ sở hữu	2,923	3,265	3,587	3,959	4,375
Lợi ích cổ đông thiểu số	755	831	956	1,105	1,280
Tổng vốn chủ sở hữu	3,678	4,096	4,543	5,064	5,655
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,677	10,485	10,801	11,498	12,305
BVPS (đ)	12,546	14,016	15,395	16,992	18,780
Nợ thuần*/(tiền mặt)	990	3,014	3,003	2,934	2,918

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	03-25A	03-26A	03-27F	03-28F	03-29F
EBIT	449	542	795	928	1,072
Khấu hao	(379)	(418)	(522)	(596)	(666)
Lãi vay thuần	16.4	9.46	(127)	(126)	(128)
Thuế TNDN đã nộp	(45.4)	(70.1)	(85.6)	(106)	(127)
Thay đổi vốn lưu động	300	(174)	(154)	(270)	(502)
Khác	55.2	153	59.6	74.9	65.4
LCT thuần từ HKKD	941	625	970	1,057	1,006
Đầu tư TS dài hạn	(776)	(1,028)	(831)	(824)	(781)
Góp vốn & đầu tư	(1,961)	(3,791)	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	1,915	2,174	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(822)	(2,645)	(831)	(824)	(781)
Cổ tức trả cho CSH	(65.2)	(26.5)	(140)	(163)	(210)
Thu từ phát hành CP	3.75	5.29	0	0	0
Tăng/giảm nợ	205	1,816	(38.5)	(0.89)	59.4
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	144	1,795	(178)	(164)	(150)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	511	781	574	535	604
LCT thuần trong kỳ	264	(225)	(39.2)	68.5	74.8
Ảnh hưởng của tỷ giá	7.24	17.5	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	781	574	535	604	678
Dòng tiền tự do	166	(403)	139	232	225

Các chỉ số tài chính	03-25A	03-26A	03-27F	03-28F	03-29F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.2	18.2	18.2	18.3	18.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.1	10.0	12.7	12.9	13.4
Tỷ suất LNT (%)	4.25	4.21	4.67	4.91	5.20
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	15.4	14.8	14.8	14.8
Tăng trưởng doanh thu (%)	11.7	16.6	8.68	13.3	10.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	7.10	15.9	37.0	15.8	14.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	3.55	15.5	20.5	19.1	17.0
Tăng trưởng EPS (%)	3.41	15.5	20.5	19.1	17.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	3.35	15.5	20.5	19.1	17.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	20.0	16.7	28.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	28.9	28.8	28.2	31.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.5	13.0	14.2	15.3	16.2
ROACE (%)	10.3	9.78	11.8	12.7	13.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.13	1.05	0.98	1.06	1.09
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	2.09	1.15	1.22	1.14	0.94
Số ngày tồn kho	15.2	10.3	13.0	13.0	13.0
Số ngày phải thu	72.2	97.6	74.6	74.7	74.8
Số ngày phải trả	37.7	49.8	41.1	41.1	41.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	38.5	95.4	86.6	76.7	69.0
Nợ/tài sản (%)	24.8	35.2	33.7	31.6	30.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	6.26	7.36	8.41
Nợ/EBITDA (lần)	2.30	3.84	2.77	2.39	2.13
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.47	1.50	1.56	1.59
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.13	1.35	1.25	1.11	1.02
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.2	13.5	9.91	8.61	7.64
P/E (lần)	18.0	15.6	13.0	10.9	9.30
P/E ĐC (lần)	19.5	16.9	14.0	11.8	10.0
P/B (lần)	2.15	1.93	1.75	1.59	1.44
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.85	2.22	2.59	3.33

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn